TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HS-ST
Ngày 04-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Văn Tùng

Ông Nguyễn Viết Tiến.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2024 Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2025/TLST - HS ngày 20 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số: 50/2025/TB-TA ngày 21/02/2025 của Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hoàng Văn T, Sinh ngày: 12/7/1984 tại huyện T, tỉnh L. Nơi ĐKTT: Thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn P, sinh năm 1962; Con bà: Ma Thị H, sinh năm 1961; Vợ: Bế Thị V, sinh năm 1987 (là bị cáo trong cùng vụ án); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Bị cáo đã bị kết án (đã được xóa án tích), chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định từ ngày 30/5/2024 đến ngày 31/10/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Đặt tiền để bảo đảm cho đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: Bế Thị V; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 01/6/1987 tại huyện T, tỉnh L; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bế Văn P, sinh năm 1962; Con bà: Hà Thị V, sinh năm 1962; Nghề nghiệp: lao động tự do; Chồng là :

Hoàng Văn T, sinh năm 1984 (là bị cáo trong cùng vụ án); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Bị cáo chưa kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ 16/10/2023, có mặt.

3. Họ và tên: Hoàng Thị D; Tên gọi khác: Không; 25/9/1990 tại huyện V, tỉnh L; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn C, sinh năm 1967 (Đã chết); Con bà: Hoàng Thị T, sinh năm 1969; Nghề nghiệp: lao động tự do; Chồng là: Nguyễn Đức T; Con: Có 05 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Bị cáo chưa kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Bị cáo chưa kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/6/2024 cho đến nay, có mặt.

4. Họ và tên: Đỗ Thị H; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 05/12/1983 tại huyện T, thành phố H; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Văn H, sinh năm 1962 (Đã chết) Con bà: Trần Thị H, sinh năm 1960; Chồng: Lê Quý Q, sinh năm 1982; Con: Có 05 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Bị cáo chưa kết án, đã bị xử lý hành chính (đã hết thời hạn, được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính), chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định từ ngày 18/10/2024 cho đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 06 giờ ngày 30/5/2024, Công an huyện Tràng Định phát hiện tại khu vực xã Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER màu trắng, biển kiểm soát: 12C-077.39 do Hoàng Văn T chở theo vợ là Bế Thị V, kiểm tra tại thùng xe phát hiện 03 kiện hàng được đựng trong bao tải dứa màu xanh bên trong có 05 thùng bìa cát tông đựng nhiều loại điện thoại di động, máy tính bảng, linh kiện điện thoại. Hoàng Văn T, Bế Thị V cùng khai nhận: Số hàng hóa trên không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ, đang được vận chuyển, đến giao cho Hoàng Thị D trú tại: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh L.

Tang vật thu giữ khi bắt quả tang gồm: 03 kiện hàng được gói bằng bao tải dứa màu xanh bên trong có 05 thùng cát tông chứa điện thoại di động, máy tính

bảng, phụ kiện; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO màu xanh; 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu FORD, số loại RANGER; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô; 01 giấy chứng nhận kiểm định; 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng Văn T; 01 giấy phép lái xe mang tên Bế Thị V; 01 căn cước công dân mang tên Hoàng Văn T; 01 căn cước công dân mang tên Bế Thị V; 01 túi da màu nâu; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng của Bế Thị V; số tiền 17.300.000 đồng thu giữ tại túi xách màu nâu của Bế Thị V; số tiền 11.810.000 đồng thu giữ tại ví da màu đen của Hoàng Văn T.

Tại biên bản kiểm đếm xác định đặc điểm, chủng loại tang vật lập hồi 08 giờ ngày 30/5/2024 xác định: Thùng cát tông "ký hiệu số 01" có 34 hộp chứa điện thoại di động, máy tính bảng và phụ kiện; Thùng cát tông "ký hiệu số 2.1" có 40 hộp chứa điện thoại di động nhãn hiệu Redmid Note 13 Pro và phụ kiện; Thùng cát tông "ký hiệu số 2.2" có 50 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax và 40 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11; Thùng cát tông "ký hiệu số 3.1" có 20 hộp chứa điện thoại di động, máy tính bảng và phụ kiện; Thùng cát tông "ký hiệu số 3.2" có 159 điện thoại di động và phụ kiện.

Tại Công văn số 158/HM2024 ngày 03/6/2024 của Công ty TNHH HOAMI (đại diện ủy quyền hợp pháp của công ty Apple Inc, Hoa Kỳ) phúc đáp công văn số 241/CV-CQCSĐT ngày 31/5/2024 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Tràng Định xác định: 190 chiếc điện thoại Iphone các loại bị thu giữ không phát hiện dấu hiệu cho thấy các sản phẩm nêu trên là hàng giả mạo nhãn hiệu Apple, tuy nhiên đây là hàng hóa đã qua sử dụng.

Tại biên bản xác định hiện trường ngày 05/6/2024 tại thôn Bản Pó, xã Đức Long, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng: Xác định địa điểm giao nhận hàng hóa giữa Hoàng Văn T, Bế Thị V với 02 người đàn ông Trung Quốc tại khu vực thuộc mốc 954 tiếp giáp biên giới Việt Nam – Trung Quốc.

Tại Bản Kết luận định giá số 16/KL-HĐ ĐGTS ngày 06/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tràng Định kết luận: Giá trị của toàn bộ tài sản tang vật thu giữ là 1.485.298.000 đồng.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập Hoàng Thị D, khám xét khẩn cấp nơi ở của Hoàng Văn T, Bế Thị V, Hoàng Thị D. Kết quả, đã thu giữ tài liệu, đồ vật gồm:

- Tại nhà của Hoàng Văn T, Bế Thị V: Số tiền 98.775 CNY (Nhân dân tệ – Tiền Trung Quốc) gồm nhiều mệnh giá khác nhau; 180.000.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

- Tại nhà của Hoàng Thị D: Không thu giữ tài liệu, đồ vật gì.

Tại Bản Kết luận giám định số 757/KL-KTHS ngày 04/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận:

1/ Toàn bộ số tiền Việt Nam 209.110.000 đồng được niêm phong trong 02 phong bì và 01 hộp bìa cát tông gửi giám định là tiền thật.

2/ 06 tờ tiền Nhân dân tệ Trung Quốc loại mệnh giá 100NDT/tờ gồm các số sêri: DQ22049059, G88Q977567, G9E1559624, Z3H7274723, S6U6285859, B72A289661 gửi giám định là tiền giả.

Toàn bộ số tiền Nhân dân tệ Trung Quốc (trừ 06 tờ tiền giả) còn lại tổng cộng: 98.175 NDT được niêm phong trong hộp bìa cát tông màu đỏ mận gửi giám định là tiền thật.

Tại Kết luận giám định số 1195/KL-KTHS ngày 26/11/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh có số IMEI: 869447059579535, lắp 02 sim số thuê bao 0352.603.908 và 0965.476.167 thu giữ của Hoàng Văn T (ký hiệu M1) trích xuất được 461 tin nhắn SMS/MMS, không phân tích được dữ liệu tin nhắn ứng dụng Zalo, Wechat, Facebook.

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng, có số IMEI: 356323453861896, lắp 01 sim thuê bao số 0963.102.306 của Bế Thị V (ký hiệu M2) trích xuất được 635 tin nhắn SMS/MMS, 1838 tin nhắn Wechat, không phân tích được dữ liệu tin nhắn ứng dụng Zalo, Facebook.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng số IMEI: 355736076671726, gắn 01 sim viettel 4G có ICCID: 8984048000912393399 của Đỗ Thị H (ký hiệu M3) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen, số IMEI: 359410084214392 không gắn thẻ sim của Hoàng Thị D (ký hiệu M4) Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn trong mẫu cần giám định ký hiệu M3 và mẫu cần giám định ký hiệu M4.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Văn T, Bế Thị V, Hoàng Thị D khai nhận: Trước đó Hoàng Văn T và Hoàng Thị D do thường xuyên làm ăn bên Trung Quốc nên có quen biết 01 người đàn ông Trung Quốc tên là "A Long". A Long có đặt vấn đề thuê vận chuyển trái phép hàng hóa gồm điện thoại, máy tính bảng, linh kiện điện thoại… qua biên giới từ Trung Quốc đến Việt Nam thì được Hoàng Văn T và Hoàng Thị D đồng ý. Khoảng tháng 04/2024, A Long lập nhóm Wechat gồm: A Long, Hoàng Văn T, Hoàng Thị D, Đỗ Thị H, người vận chuyển bên Trung Quốc của A Long, kế toán của A Long, mục đích để thường xuyên trao đổi bàn bạc cách thức vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới từ Trung Quốc vào Việt Nam. Cụ thể như sau: Khi A Long có nhu cầu vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới thì sẽ nhắn tin lên nhóm để cùng nhau vận chuyển, sau đó T, H phải xác nhận bằng tin nhắn "ok" thì A Long sẽ liên lạc với 01 người Trung Quốc tên "Hỏi" để người vận chuyển của A Long giao hàng hóa trong nội địa Trung Quốc cho "Hỏi", "Hỏi" sẽ liên lạc và vận chuyển hàng hóa từ nội địa Trung Quốc đến giao cho Hoàng Văn T tại khu vực biên giới. Hoàng Văn T sẽ cùng Bế Thị V nhận hàng hóa tại khu vực biên giới với "Hỏi" rồi vận chuyển đến nhà giao cho Hoàng Thị D tại khu vực Tân Mỹ, Văn Lãng, Lạng Sơn. Sau đó Hoàng Thị D sẽ gửi xe khách đi Hà Nội để giao cho Đỗ Thị H hoặc khách hàng khác theo sự chỉ đạo của A Long. Với 01 kg hàng hóa vận chuyển trót lọt, A Long sẽ trả công là 20 CNY tương đương khoảng 70.000 đồng,

Hoàng Văn T được hưởng 70% và phải trả tiền công vận chuyển cho người vận chuyển Trung Quốc, Hoàng Thị D được hưởng 30% và phải chia cho Đỗ Thị H.

Ngày 29/5/2024, A Long nhắn lên nhóm báo có 03 kiện hàng gồm điện thoại, máy tính bảng, linh kiện không có nguồn gốc, giấy tờ đưa từ Trung Quốc qua biên giới vào Việt Nam, A Long gửi lên nhóm bảng kê chi tiết số lượng máy của 03 kiện hàng. Sau khi nắm được lịch trình, Hoàng Văn T nói với Bế Thị V về việc sáng sớm ngày 30/5/2024 sẽ cùng nhau lên nhận hàng hóa được vận chuyển trái phép từ biên giới về Việt Nam tại khu vực xã Đức Long. Khoảng 01 giờ ngày 30/5/2024, Hoàng Văn T điều khiển xe ô tô bán tải BKS 12C-077.39 còn Bế Thị V điều khiển xe mô tô BKS 12T1-001.78 đi từ nhà đến khu vực mốc 954 biên giới Việt Nam – Trung Quốc thuộc xã Đức Long, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Khi cách khu vực hàng rào biên giới khoảng 1 km, do xe ô tô không thể vào được nên T và Viện chuyển sang đi xe mô tô. Tại khu vực hàng rào biên giới, T, Viện nhận 03 kiện hàng của 02 người đàn ông Trung Quốc (không biết tên tuổi, địa chỉ) rồi chở bằng xe mô tô ra vị trí đỗ xe ô tô rồi cho vào thùng sau xe ô tô chở về nhà. Đến khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe ô tô bán tải chở Viện cùng số hàng hóa nói trên đi giao tại nhà của Hoàng Thị D thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang.

Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập đối tượng Đỗ Thị H đến làm việc, tuy nhiên H không có mặt tại địa phương. Ngày 17/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tràng Định đã ra Quyết định truy tìm người, đến ngày 18/10/2024 thì tìm thấy H. Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Thị H khai nhận: Do sang Trung Quốc làm ăn nên H có quen 01 người Trung Quốc tên là A Long và có kết bạn Wechat với nhau. Khoảng trước Tết Nguyên đán năm 2024, A Long có đặt vấn đề lập 01 nhóm Wechat để vận chuyển trái phép hàng hóa từ Trung Quốc sang Việt Nam và đưa H vào nhóm. Sau đó, do lực lượng chức năng thắt chặt khu vực biên giới nên không thực hiện được việc vận chuyển nên A Long giải tán nhóm. Đến tháng 4/2024, A Long lập lại nhóm và đưa H vào. Nhiệm vụ của H là khi người vận chuyển của A Long giao hàng hóa trong nội địa Trung Quốc cho người vận chuyển của T (người đàn ông tên Hỏi) thì H hoặc T phải xác nhận "ok" thì mới được tiến hành giao nhận hàng hóa và vận chuyển về Việt Nam. Hàng tháng, H được A Long trả tiền công là 10.000.000 đồng. Ngày 29/5/2024, khi A Long chụp ảnh 03 kiện hàng lên nhóm Wechat có đầy đủ chữ ký của người vận chuyển của A Long và của T, do không thấy T trả lời thì H đã nhắn tin lên nhóm là "ok" tức là xác nhận việc vận chuyển hàng hóa trái phép từ Trung Quốc về Việt Nam. Đến ngày 30/5/2024, H thấy nhóm Wechat bị giải tán thì gọi điện thoại cho D mới biết biết T, Viện bị bắt nên đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Số tiền bị thu giữ: số tiền 17.300.000 đồng thu giữ tại túi xách màu nâu của Bế Thị V; số tiền 11.810.000 đồng thu giữ tại ví da màu đen của Hoàng Văn T; Tại nhà của Hoàng Văn T, Bế Thị V: Số tiền 98.775 CNY (Nhân dân tệ – Tiền Trung Quốc) gồm nhiều mệnh giá khác nhau tương đương với số tiền 346.212.301 đồng; 180.000.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; 200.000.000 đồng tiền đặt tiền để bảo đảm. Tổng cộng số tiền bị thu giữ của vợ

chồng Hoàng Văn T, Bế Thị V là: 755.322.301 đồng. Số tiền Hoàng Văn T nộp ngày 17/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tràng Định số tiền là: 700.000.000 đồng. Tổng số tiền mà Hoàng Văn T, Bế Thị V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự với tổng số tiền là: 1.455.332.301 đồng (một tỷ, bốn trăm năm mươi năm triệu, ba linh một đồng) để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngày 21/2/2025 Hoàng Thị D nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tràng Định số tiền là: 700.000.000 đồng để đảm bảo cho việc thi hành án.

Cáo trạng số: 06/CT-VKSTĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn truy tố: Hoàng Văn T, Bế Thị V, Hoàng Thị D, Đỗ Thị H, về tội: Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong vụ án. Đồng thời bị cáo Đỗ Thị H đã nộp số tiền 500.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tràng Định để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 189; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo: **Hoàng Văn T**. Đề nghị xử phạt bị cáo bằng hình phạt tiền, mức phạt tiền từ 1.200.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 189; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo: **Bế Thị V**. Đề nghị xử phạt bị cáo bằng hình phạt tiền, mức phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 189; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo: **Hoàng Thị D**. Đề nghị xử phạt bị cáo bằng hình phạt tiền, mức phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 189; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo: **Đỗ Thị H**. Đề nghị xử phạt bị cáo mức phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước: 05 thùng cát tông đựng 284 điện thoại di động, máy tính bảng, 28 bộ keo dán pin iphone, 30 cell pin iphone 11, 01 màn hình điện thoại cảm ứng, được niêm phong theo quy định; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO màu xanh lắp 02 sim số, máy

đã qua sử dụng của Hoàng Văn T; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng, lắp 01 sim, máy cũ đã qua sử dụng của Bế Thị V; 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu FORD, số loại RANGER, màu trắng, BKS: 12C-077.39, xe đã qua sử dụng, kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 019975 mang tên Hoàng Văn T, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số: 23 135806, 01 giấy chứng nhận kiểm định số: 6096296 của Hoàng Văn T; 01 xe mô tô nhãn hiệu Jupiter màu đỏ đen, không lắp biển kiểm soát, xe cũ đã qua sử dụng của Hoàng Văn T; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone màu đen xám, không lắp sim, máy cũ đã qua sử dụng của Hoàng Thị D; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone màu hồng, lắp 01 sim số thuê bao 0984.026.668, máy cũ đã qua sử dụng của Đỗ Thị H.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T: 01 giấy phép lái xe số: 200102204247 mang tên Hoàng Văn T; 01 căn cước công dân số 020084004499 mang tên Hoàng Văn T; Số tiền 98.175 NDT được niêm phong theo quy định; Số tiền 11.810.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; số tiền 180.000.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam (tuy nhiên tạm giữ vật chứng là tiền để đảm bảo thi hành án).

- Trả lại cho bị cáo Bế Thị V: 01 giấy phép lái xe số: 201192001963 mang tên Bế Thị V; 01 căn cước công dân số 020187008948 mang tên Bế Thị V; 01 túi da màu nâu; số tiền 17.300.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam (tuy nhiên tạm giữ vật chứng là tiền để đảm bảo thi hành án).

- Trả lại cho Hoàng Thị D: 01 quyển sổ ghi chép bìa màu tím than nhãn hiệu Grand của Hoàng Thị D.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì đựng tang vật tiền giả niêm phong theo quy định (gồm 06 tờ tiện Nhân dân tệ mệnh giá 100NDT/ tờ)

- Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận. Lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã

thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Do quen biết từ trước, khoảng cuối tháng 4/2024, Hoàng Văn T, Hoàng Thị D, Đỗ Thị H được 01 người đàn ông Trung Quốc tên là A Long đưa vào nhóm Wechat để bàn bạc việc vận chuyển trái phép hàng hóa từ Trung Quốc về Việt Nam. Ngày 29/5/2024, A Long chụp hình 03 kiện hàng gồm điện thoại, máy tính bảng, linh kiện điện tử lên nhóm chát, Đỗ Thị H là người theo dõi nhóm chat đã nhắn xác nhận "ok" thì người vận chuyển hàng hóa của A Long giao 03 kiện hàng cho người vận chuyển của T trong nội địa Trung Quốc. Sau khi nắm được lịch trình, khoảng 01 giờ ngày 30/5/2024, Hoàng Văn T điều khiển xe ô tô bán tải BKS 12C-077.39 còn Bế Thị V điều khiển xe mô tô BKS 12T1-001.78 đi từ nhà đến khu vực mốc 954 biên giới Việt Nam – Trung Quốc thuộc xã Đức Long, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Khi cách khu vực hàng rào biên giới khoảng 1 km, do xe ô tô không thể vào được nên T và Viện chuyển sang đi xe mô tô. Tại khu vực hàng rào biên giới, T, Viện nhận 03 kiện hàng của 02 người đàn ông Trung Quốc (không biết tên tuổi, địa chỉ) rồi chở bằng xe mô tô ra vị trí đỗ xe ô tô rồi cho vào thùng sau xe ô tô chở về nhà. Đến khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe ô tô bán tải chở Viện cùng số hàng hóa nói trên đi giao tại nhà của Hoàng Thị D thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang. Tại biên bản kiểm đếm xác định có 303 điện thoại di động, máy tính bảng và phụ kiện trị giá là **1.485.298.000 đồng**. Như vậy hành vi các bị cáo Hoàng Văn T, Bế Thị V, Hoàng Thị D, Đỗ Thị H đã phạm tội: Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới được quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự.

[3] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo Hoàng Văn T; Hoàng Thị D; Đỗ Thị H là người thực hành, nhưng Hoàng Văn T là người tích cực nhất, còn Bế Thị V (vợ của Hoàng Văn T) là đồng phạm với vai trò là người giúp sức.

[4] Về tính chất, hậu quả mức độ của hành vi phạm tội: Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi của mình, các bị cáo biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt ngoài việc xem xét tính chất, mức độ hành vi của việc phạm tội còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt mới tương xứng với hành vi mà các bị cáo gây ra.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Hoàng Văn T và Bế Thị V là vợ chồng, cùng là bị cáo trong cùng vụ án, hiện đang nuôi 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2020. Hoàng Văn T đã từng bị kết án nhưng đã được xóa án tích; bị cáo chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; Bế Thị V chưa bị kết án; chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo Hoàng Thị D cùng chồng hiện đang nuôi 05 người con; con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2023. Bị cáo chưa bị kết án; chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo Đỗ Thị H cùng chồng nuôi 05 con: con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2018; bị cáo chưa bị kết án; đã 01 lần bị xử lý hành chính đã chấp hành xong, đã hết

thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật.

[6] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự: Các bị cáo đã hối cải do hành vi phạm tội của mình gây ra. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Thị D đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Đối với người đàn ông Trung Quốc tên là A Long, người vận chuyển hàng hóa của A Long, do không xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể, mặt khác do điều kiện về phạm vi lãnh thổ quốc gia nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh, điều tra làm rõ.

[10] Ngoài ra các bị cáo Hoàng Văn T, Bế Thị V, Hoàng Thị D, Đỗ Thị H khai nhận ngoài lần phạm tội này ra, trong tháng 05/2024 các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Tuy nhiên, các bị cáo không nhớ chính xác về thời gian, không xác định được số lượng hàng hóa vận chuyển nên cũng không có cơ sở để xác minh làm rõ.

[11] Đối với 06 tờ tiền giả Trung Quốc nằm trong tổng số tiền 98.775 Nhân dân tệ bị thu giữ. Hoàng Văn T, Bế Thị V khai nhận đây là số tiền được thanh toán trong quá trình làm ăn không liên quan đến hành vi phạm tội. Các bị cáo cũng không biết bị lẫn 06 tờ tiền giả này, do vậy Cơ quan điều tra cũng không có đủ căn cứ để xử lý các bị cáo về hành vi: Tàng trữ, mua bán, tiêu thụ tiền giả.

[12] Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước: 05 thùng cát tông đựng 284 điện thoại di động, máy tính bảng, 28 bộ keo dán pin iphone, 30 cell pin iphone 11, 01 màn hình điện thoại cảm ứng, được niêm phong theo quy định; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO màu xanh lắp 02 sim số, máy đã qua sử dụng của Hoàng Văn T; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng, lắp 01 sim, máy cũ đã qua sử dụng của Bế Thị V; 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu FORD, số loại RANGER, màu trắng, BKS: 12C-077.39, xe đã qua sử dụng, kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 019975 mang tên Hoàng Văn T, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số: 23 135806, 01 giấy chứng nhận kiểm định số: 6096296 của Hoàng Văn T; 01 xe mô tô nhãn hiệu Jupiter màu đỏ đen, không lắp biển kiểm soát, xe cũ đã qua sử dụng của Hoàng Văn T; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone màu đen xám, không lắp sim, máy cũ đã qua sử dụng của Hoàng Thị D; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone màu hồng, lắp 01 sim số thuê bao 0984.026.668, máy cũ đã qua sử dụng của Đỗ Thị H. Trả cho các bị cáo tiền và các tài sản không liên

quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ tiền để đảm bảo thi hành án. Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư đựng tang vật tiền giả niêm phong theo quy định.

[13] Những gì khác với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử đều không được chấp nhận.

[14] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy đây là loại tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế xâm phạm đến các quan hệ xã hội bảo đảm cho sự ổn định và phát triển nền kinh tế của Nhà nước, theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 35 và khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự 2015 thì hình phạt chính có thể áp dụng đối với các bị cáo là phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) đến 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng). Các bị cáo Hoàng Văn T; Bế Thị V; Hoàng Thị D đang được tại ngoại, có nơi cư trú rõ ràng; bản thân các bị cáo đã nộp số tiền là: 2.155.332.301 đồng (hai tỷ, một trăm năm mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm linh một đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tràng Định, để đảm bảo cho việc thi hành án; Bị cáo Đỗ Thị H, đang bị tạm giam tuy nhiên tại phiên Tòa bị cáo đã cam kết nộp toàn bộ số tiền, nếu được Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền, ngay tại phiên tòa bị cáo đã tác động người thân nộp 500.000.000 đồng để đảm bảo cho việc thi hành án. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo đã thể hiện rõ thái độ ăn năn, hối hận về hành vi của mình, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; xét hoàn cảnh của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy không cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, việc áp dụng phạt tiền là hình phạt chính sẽ đảm bảo cho ngân sách của huyện có được nguồn thu đáng kể. Mức tiền phạt đối với các bị cáo cũng đủ để răn đe đối với những ai có ý định phạm tội tương tự.

[15] Về án phí: Các bị cáo, phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 135, khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[16] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 189; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo: **Hoàng Văn T**;

Căn cứ khoản 3 Điều 189; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo: **Bế Thị V**;

Căn cứ khoản 3 Điều 189; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo: **Hoàng Thị D**;

Căn cứ khoản 3 Điều 189; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo: **Đỗ Thị H**;

Căn cứ điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333; khoản 2 Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về tội danh: Tuyên bố Hoàng Văn T; Bế Thị V; Hoàng Thị D; Đỗ Thị H phạm tội: Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

2. Về hình phạt chính:

2.1. Xử phạt Hoàng Văn T 1.200.000.000 đồng *(một tỷ hai trăm triệu đồng)* để nộp ngân sách nhà nước; được khấu trừ đi số tiền 700.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tràng Định theo biên lai thu tiền ký hiệu BLTU/23 số 0001932 ngày 17/02/2025. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 500.000.000 đồng.

2.2. Xử phạt Bế Thị V 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

2.3. Xử phạt Hoàng Thị D 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) để nộp ngân sách nhà nước; được khấu trừ đi số tiền 700.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tràng Định theo biên lai thu tiền ký hiệu BLTU/23 số 0001940 ngày 21/02/2025. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 300.000.000 đồng.

2.4. Xử phạt Đỗ Thị H 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) để nộp ngân sách nhà nước; được khấu trừ đi số tiền 500.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tràng Định theo biên lai thu tiền ký hiệu BLTU/23 số 0001946 ngày 04/3/2025. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 500.000.000 đồng.

3. Về vật chứng:

3.1. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước:

+ 05 thùng cát tông đựng 284 điện thoại di động, máy tính bảng, 28 bộ keo dán pin iphone, 30 cell pin iphone 11, 01 màn hình điện thoại cảm ứng đã qua sử dụng, được niêm phong theo quy định.

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO màu xanh, có số IMEI: 869447059579535, lắp 02 sim số thuê bao 0352.603.908 và 0965.476.167, máy đã qua sử dụng của Hoàng Văn T;

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng, có số IMEI: 356323453861896, lắp 01 sim thuê bao số 0963.102.306, máy cũ đã qua sử dụng của Bế Thị V;

+ 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu FORD, số loại RANGER, màu trắng, số máy: YN2QW908891, số khung: FF06KW908891, BKS: 12C-077.39, xe đã qua

sử dụng, kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 019975 mang tên Hoàng Văn T, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số: 23 135806, 01 giấy chứng nhận kiểm định số: 6096296 của Hoàng Văn T;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Jupiter màu đỏ đen, không lắp biển kiểm soát, xe cũ đã qua sử dụng của Hoàng Văn T;

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone màu đen xám, số IMEI: 359410084214392, không lắp sim, máy cũ đã qua sử dụng của Hoàng Thị D;

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone màu hồng, số IMEI: 355736076671726, lắp 01 sim số thuê bao 0984.026.668, máy cũ đã qua sử dụng của Đỗ Thị H.

3.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì đựng tang vật tiền giả niêm phong theo quy định (gồm 06 tờ tiện Nhân dân tệ mệnh giá 100NDT/ tờ).

3.3. Trả cho chủ sở hữu:

3.3.1. Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T: 01 giấy phép lái xe số: 200102204247 mang tên Hoàng Văn T; 01 căn cước công dân số 020084004499 mang tên Hoàng Văn T; Số tiền 98.175 NDT được niêm phong theo quy định, tạm giữ để đảm bảo thi hành án; Số tiền 11.810.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam, tạm giữ để đảm bảo thi hành án; Số tiền 180.000.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam, tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3.3.2. Trả cho Bế Thị V: 01 giấy phép lái xe số: 201192001963 mang tên Bế Thị V; 01 căn cước công dân số 020187008948 mang tên Bế Thị V; 01 túi da màu nâu; Số tiền 17.300.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam, tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3.3.3. Trả lại cho Hoàng Thị D: 01 quyển sổ ghi chép bìa màu tím than nhãn hiệu Grand.

(Vật chứng nêu trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09 tháng 01 năm 2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- CQ Điều tra CA tỉnh Lạng Sơn;
- Phân trại Tràng Định PC11;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định;
- UBND xã Q, H. Tràng Định; UBND xã Tân Mỹ, H. Văn Lãng;
- UBND xã Thạch Lỗi, H. Cẩm Giàng, T.Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hoàng Văn Bình